TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 5 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Lê Hồng V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt, ông V vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N *trình bày*: Bà và ông Lê Hồng V chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi nhau nên đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên bà N yêu cầu ly hôn ông Lê Hồng V.

Về con chung: Bà và ông Lê Hồng V có bốn con chung tên Lê Thị Ngọc C, sinh ngày 26/10/2006, Lê Thị Bảo Â, sinh ngày 28/01/2010, Lê Quốc C1, sinh ngày 06/11/2014 và Lê Thi Mỹ D, sinh ngày 10/10/2017. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi 04 con chung, không yêu cầu ông Lê Hồng V cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Hồng V *trình bày trong Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải cùng ngày 22/3/2023 được tóm tắt như sau:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích N về thời gian chung sống; điều kiện kết hôn; và con chung như bà N trình bày. Nay bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Có bốn con chung tên Lê Thị Ngọc C, sinh ngày 26/10/2006, Lê Thị Bảo Â, sinh ngày 28/01/2010, Lê Quốc C1, sinh ngày 06/11/2014 và Lê Thi Mỹ D, sinh ngày 10/10/2017. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu Lê Thị Ngọc C, không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N *trình bày*: Về bốn con chung hiện nay đang do bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà hiện làm công nhân thu nhập khoảng 12.000.000đồng/1 tháng, hiện tại bà đang sống chung với ba ruột của bà để tiện chăm sóc phụ con nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Lê Hồng V và bà Nguyễn Thị Bích N chung sống với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Long An. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông V có ý kiến đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về con chung: Theo nguyện vọng của con chung đề nghị cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi bốn con chung tên Lê Thị Ngọc C, sinh ngày 26/10/2006, Lê Thị Bảo Â, sinh ngày 28/01/2010, Lê Quốc C1, sinh ngày 06/11/2014 và Lê Thi Mỹ D, sinh ngày 10/10/2017; về cấp dưỡng bà N không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Hồng V và bà Nguyễn Thị Bích N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn" với bị đơn ông Lê Hồng V. Ông Lê Hồng V đang cư trú tại xã L, huyện Đ, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Hồng V tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 101/2005 đăng ký ngày 26/10/2005 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An cấp nên hôn nhân giữa bà N và ông V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Bích N cho rằng bà và ông Lê Hồng V đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả và hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Ông V trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2023 cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn với nhau và cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải và cho thời hạn để hai bên hàn gắn tình cảm nhưng tại phiên tòa bà N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn và ông V cũng có ý kiến đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà N và ông V là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Hồng V đều có ý kiến thuận tình ly hôn là nên Hội đồng xét xử ghi nhận là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Hồng V thống nhất trình bày trong quá trình chung sống có bốn con chung tên Lê Thị Ngọc C, sinh ngày 26/10/2006, Lê Thị Bảo Â, sinh ngày 28/01/2010, Lê Quốc C1, sinh ngày 06/11/2014 và Lê Thi Mỹ D, sinh ngày 10/10/2017. Khi ly hôn bà N có yêu cầu nuôi bốn con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Ngược lại ông V có ý kiến xin yêu cầu nuôi cháu Lê Thị Ngọc C, không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay bà Nguyễn Thị Bích N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng bốn con chung; các cháu hiện đang sinh sống, học tập ổn định bên nhà bà N; cháu Lê Thị Ngọc C (sinh năm 2006) là nữ nên để cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp vì bà N sẽ hiểu tâm sinh lý của cháu hơn. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án các cháu C, cháu C1 và cháu Â có văn bản trình bày ý kiến, nguyện vọng sống chung cùng với mẹ (là bà N) nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, trên cơ sở yêu cầu của các đương sự, ý kiến nguyện vọng của con chung, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập của các cháu nên cần giao bốn con chung Lê Thị Ngọc C, Lê Thị Bảo Â, Lê Quốc C1 và Lê Thi Mỹ D cho bà N trực tiếp nuôi con là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N không yêu cầu ông Lê Hồng V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Hồng V thống nhất trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Hồng V đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 208 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn" đối với bị đơn ông Lê Hồng V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Hồng V.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Bích N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng bốn con chung Lê Thị Ngọc C, sinh ngày 26/10/2006; Lê Thị Bảo Â, sinh ngày 28/01/2010; Lê Quốc C1, sinh ngày 06/11/2014 và Lê Thi Mỹ D, sinh ngày 10/10/2017. Ông Lê Hồng V không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Nguyễn Thị Bích N không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Hồng V thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Hồng V đều xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008098 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Lê Hồng V vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thành